

Số: 659 /QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 07 tháng 7 năm 2009

- P. kt 2

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000  
Khu dân cư phường 12 – quận Tân Bình, diện tích 88,83 ha.

SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP	
ĐẾN	Số: <u>7100/09009</u> Ngày: <u>12/12/2009</u>

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về qui hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND Thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án QHCT xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn và công văn số 1168/UBND-ĐTMT ngày 23/3/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân loại, phê duyệt hồ sơ theo thời điểm thực hiện Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008;

Căn cứ Nghị định 20/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 về quản lý chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 04/8/2008 của UBND Thành phố về duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Bình;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND-ĐT ngày 03/11/2006 của UBND quận Tân Bình về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 12, quận Tân Bình;

Căn cứ công văn số 1085/KQTB-SQHKT ngày 28/4/2009 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về kết quả thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 12 - quận Tân Bình;

Xét nội dung hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường 12, Q. Tân Bình do Phân viện quy hoạch đô thị - nông thôn miền Nam lập;

Xét tờ trình số 59/TTr-QLĐT(QHKT) ngày 29/6/2009 của Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường 12 – quận Tân Bình,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Khu dân cư phường 12 – quận Tân Bình với các nội dung chính (đính kèm hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000) như sau:

### **1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:**

- Qui mô khu vực quy hoạch: 88,83ha.

- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:

+ Phía Bắc: giáp khu quân sự, sân bay Tân Sơn Nhất qua Đ.Cộng Hòa.

+ Phía Tây Nam: giáp phường 13 và 14, quận Tân Bình qua Đ.Đông Đen và Đ.Bàu Cát.

+ Phía Đông Nam: giáp phường 11-phường 4, Q.Tân Bình qua đường Xuân Hồng.

+ Phía Tây: giáp phường 13, Q.Tân Bình qua đường Hoàng Hoa Thám.

### **2. Lý do và sự cần thiết phải lập đồ án quy hoạch:**

Trước đây trên địa bàn phường 12, quận Tân Bình đã được Kiến trúc sư trưởng Thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 tại Quyết định số 5322/KTST-QH ngày 07/5/1999 và Quyết định số 15471/KTST-QH ngày 23/12/1999. Tuy nhiên, thời gian qua việc tách quận Tân Bình cũ thành 2 quận mới: Tân Bình và Tân Phú; tốc độ đô thị hóa diễn ra rất nhanh đã thu hút nhiều dân nhập cư từ các địa phương khác làm thay đổi cấu trúc kinh tế - xã hội, các chỉ tiêu cơ cấu sử dụng đất của quận Tân Bình, một phần diện tích đất quân sự chuyển đổi thành đất dân dụng. Đồng thời quy hoạch chi tiết giao thông một số đường trên địa bàn phường 12 kém tính khả thi, gây ảnh hưởng đến đời sống người dân nên cần điều chỉnh lộ giới và hướng tuyến. Bên cạnh đó, việc khai thác sử dụng quỹ đất tại các khu vực cải tạo chính trang đô thị chưa đạt hiệu quả mong muốn. Do đó, khu vực phường 12, quận Tân Bình cần phải tiến hành nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cho phường, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của quận Tân Bình và Thành phố.

### **3. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:**

- Xác định cơ cấu phân khu chức năng, quỹ đất dành cho đầu tư xây dựng khu dân cư, các công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch chung theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của quận Tân Bình và các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng cụ thể.

- Xác định các khu vực chính trang trong đô thị có khả năng thực hiện trong từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn quận (đến 2010, 2015, 2020), lưu ý kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị với dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, nhằm tạo điều kiện phát triển giao thông cũng như toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn khu vực (như cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc...)

- Làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác quản lý đô thị và thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng hiệu quả sử dụng đất, thu hút đầu tư trong khu vực và trên địa bàn quận Tân Bình.

- Tạo điều kiện ở tốt, thoả mãn các yêu cầu chất lượng cao về không gian kiến trúc, môi trường, cơ sở hạ tầng...

- Cân đối các tiêu chuẩn quy phạm có thể áp dụng cho khu vực trên cơ sở định hướng quy hoạch chung quận Tân Bình và điều kiện hiện trạng sử dụng đất hiện nay.

#### **4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch-kiến trúc:**

##### **4.1. Cơ cấu sử dụng đất:**

STT	Loại đất	Diện tích(ha)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>79,87</b>	<b>100</b>
1.	Đất ở (đất xây dựng nhà ở)	56,29	70,47
	+ Đất dân cư hiện hữu cải tạo	52,90	
	+ Đất dân cư dự kiến chỉnh trang đô thị	3,39	
2.	Đất công trình công cộng	5,26	6,59
	+ Đất công trình công cộng cấp phường	3,29	
	Đất giáo dục	2,04	
	Đất hành chính	0,04	
	Đất văn hóa	0,11	
	Đất y tế	0,02	
	Đất thương mại - dịch vụ	1,08	
	+ Đất công trình công cộng khu vực	1,97	
3.	Đất giao thông	17,53	21,95
4.	Đất cây xanh – TĐTT	0,79	0,99
<b>B</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>8,96</b>	
	+ Đất giao thông đối ngoại	4,27	
	+ Đất quân sự	2,29	
	+ Đất tôn giáo	2,40	
<b>Tổng cộng</b>		<b>88,83</b>	

##### **4.2. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:**

Stt	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
1	Dân số dự kiến	người	29.000 (năm 2020)	
2	Mật độ xây dựng	%	35-45	
3	Tầng cao xây dựng	Tối đa	Tầng	14 (45m)
		Tối thiểu	Tầng	2
4	Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng	m <sup>2</sup> /ng	27,54	
	+ Đất ở	m <sup>2</sup> /ng	19,41	
	+ Đất CTCC (hạ tầng xã hội)	m <sup>2</sup> /ng	0,76 (không tính đất thương mại dịch vụ và CTCC cấp khu vực)	
	+ Đất cây xanh	m <sup>2</sup> /ng	0,27	
	+ Đất giao thông	m <sup>2</sup> /ng	4,46 (không tính giao thông < 12m)	

	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
5	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	200
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	200
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	2500
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày	1,2
6	Cốt xây dựng không chế	m	Hxdmin = 3,71m

## 5. Bố cục phân khu chức năng:

### 5.1. Khu ở:

Tổng diện tích đất ở 56,29ha, chiếm 70,74% đất dân dụng, bao gồm :

+ Đất khu dân cư hiện hữu: qui mô 52,90ha, chiếm 94% đất ở, trong đó đa số là nhà phố, nhà liên kế hiện hữu với:

▪ Mật độ xây dựng : khoảng 50-85%

▪ Tầng cao xây dựng : từ 2-7 tầng

+ Đất ở xây dựng mới: qui mô 3,39 ha, chiếm 6% đất ở, trong đó: 1,64ha khu chung cư xây dựng mới đất thuộc khu hỗn hợp; 0,28ha đất ở xây dựng mới thuộc đất Bình đoàn 16 và 1,46ha khu dân cư hiện hữu cải tạo chính trang xây dựng mới ( phía sau giáo xứ Tân Châu) với:

▪ Mật độ xây dựng : khoảng 35-55%.

▪ Tầng cao xây dựng : 14 tầng (tầng cao sẽ được nghiên cứu điều chỉnh khi có ý kiến cụ thể của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền).

### 5.2. Công trình công cộng:

Các công trình công cộng có diện tích 2,21ha, chiếm 2,8% diện tích đất dân dụng (không kể công trình công cộng cấp khu vực và công trình thương mại dịch vụ), bao gồm:

+ Công trình hành chính và văn hóa có diện tích khoảng 0,04ha , gồm: Ủy ban nhân dân và nhà văn hóa phường 12, Công an phường 12.

+ Công trình giáo dục có diện tích khoảng 2,04ha , gồm:

▪ Các công trình hiện hữu có diện tích khoảng 1,78ha, gồm: Trường mầm non 12 ( phân hiệu 1 và 2), Trường tiểu học Trần Quốc Tuấn, Trường trung học cơ sở Trường Chinh, Trường trung học cơ sở Ngô Quyền, Trường tiểu học Nguyễn Khuyến, Trường tiểu học Cách mạng tháng 8, Trường trung học cơ sở Thái Bình,...

▪ Các công trình xây mới trong khu phức hợp có diện tích khoảng 0,26ha.

+ Công trình y tế phường 12 có diện tích khoảng 0,02ha.

### 5.3. Khu cây xanh – Thể dục thể thao:

Tổng diện tích 0,79ha, chiếm 0,99% diện tích đất dân dụng, bao gồm: chủ yếu là vườn hoa, công viên cây xanh quy hoạch hiện hữu bố trí rải rác trong khu nhóm nhà ở và trong các khu đất hỗn hợp, dân cư xây dựng mới.

### 5.4. Công trình tôn giáo:

Tổng diện tích khoảng 2,40ha bao gồm các công trình tôn giáo hiện hữu: Chùa Từ Tân, Giáo xứ Tân Việt, Giáo xứ Tân Châu, Tu viện nữ Tân Việt, Nhà

hưu dưỡng Linh mục và Tu viện nữ Mân Côi, Nhà hưu dưỡng Linh mục giáo xứ Mân Côi,...

### **5.5. Khu đất quân sự:**

Khu đất quân sự có diện tích 2,29 ha theo hiện trạng ở phía Đông. Về lâu dài, khi được sự thống nhất của Bộ Quốc phòng, dành một tỷ lệ đất thích hợp để xây dựng công trình công cộng hạ tầng xã hội (trường học-bệnh viện-TDĐT), công viên cây xanh, dịch vụ - thương mại để bổ sung thêm quỹ đất hạ tầng xã hội và mảng xanh vốn đang rất thiếu trên địa bàn quận Tân Bình.

## **6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:**

### **6.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:**

Với đặc điểm khu dân cư phường 12 quận Tân Bình là khu dân cư ổn định và có nhiều trục thương mại dịch vụ của khu vực: Trường Chinh – Cộng Hòa – Hoàng Hoa Thám. Do đó, về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan được định hướng như sau:

+ Dọc tuyến đường Trường Chinh cần nghiên cứu tổ chức không gian kiến trúc phù hợp do dọc tuyến Trường Chinh có tuyến metro số 2.

+ Tuyến đường Cộng Hòa – Hoàng Hoa Thám được định hướng phát triển với chức năng ở kết hợp thương mại – dịch vụ, xây dựng cao tầng.

Về chiều cao xây dựng công trình: cần lưu ý thực hiện trên cơ sở Nghị định 20/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 về quản lý chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam khi có hiệu lực thi hành. Tùy theo định hướng phát triển không gian theo thiết kế đô thị tại từng khu vực, từng tuyến đường và từng địa điểm sẽ được cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét cụ thể.

### **6.2. Thiết kế đô thị:**

Trong thời gian tới cần nghiên cứu định hướng và lập thiết kế đô thị dọc các trục Thương mại – dịch vụ gồm: đường Cộng Hòa, đường Trường Chinh.

## **7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **7.1 Quy hoạch hệ thống giao thông:**

Lộ giới các tuyến đường chính:

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều rộng (m)		
			Lề (m)	Lòng (m)	Lề (m)
1	Đường Trường Chinh	35	6	23	6
2	Đường Cộng Hòa	45	12	26	7
3	Đường Xuân Hồng	22	4	14	4
4	Đường Hoàng Hoa Thám	22	4	14	4
5	Đường dự phóng hướng Bắc Nam giáp khu đất hỗn hợp (ở phía Bắc đường Cộng Hòa - theo Quy hoạch chung)	24	6	12	6
6	Đường dự phóng hướng Đông Tây giáp khu đất hỗn hợp (ở phía Bắc đường Cộng Hòa - theo Quy hoạch chung 1/5000)	16	3	10	3
7	Đường Bàu Cát	18	4	10	4

8	Đường Đồng Đen (đoạn từ Bàu Cát đến đường Bàu Cát 1)	18	4	10	4
9	Đường Đồng Đen (đoạn Bàu Cát 1 – Trường Chinh)	12	3	6	3
10	Đường Trần Mai Ninh	16	3	10	3
11	Đường Bàu Cát 2	16	3	10	3
12	Đường hẻm 108 Trần Mai Ninh	16	3	10	3
13	Đường Nguyễn Minh Hoàng (đoạn từ Hoàng Hoa Thám đến đường A4)	16	3	10	3
14	Đường Nguyễn Minh Hoàng (đoạn từ đường A4 đến Đ. Quách Văn Tuấn)	12	3	6	3
15	Đường A4	16	3	10	3
16	Đường Nguyễn Thái Bình	16	3	10	3
17	Đường Quách Văn Tuấn	16	3	10	3
18	Đường C26	15	3	9	3
19	Đường C18	15	3	9	3
20	Đường Bàu Cát 1	12	3	6	3
21	Đường Bàu Cát 3	12	3	6	3
22	Đường Trương Hoàng Thanh	12	3	6	3
23	Đường Hoàng Kế Viêm (C21 cũ)	12	3	6	3
24	Đường B6	12	3	6	3
25	Đường C22	12	3	6	3
26	Đường Nguyễn Thế Lộc (C23 cũ)	12	3	6	3
27	Đường Phan Bá Phiến (C24 cũ)	12	3	6	3
28	Đường C27	12	3	6	3
29	Đường Thép Mới	12	3	6	3
30	Đường dự phóng thuộc khu chỉnh trang nâng cấp đô thị (giới hạn từ Đ. Nguyễn Thái Bình ra Đ. Xuân Hồng)	12	3	6	3

**Lưu ý:**

+ Việc thể hiện lộ giới quy hoạch giao thông nhỏ hơn 12m trên bản đồ quy hoạch giao thông chỉ mang tính chất tham khảo. Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m đã được xác định và công bố theo các quyết định của cấp có thẩm quyền sẽ được tiếp tục quản lý theo các quyết định đó. Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m chưa được xác định và công bố theo các quyết định của cấp có thẩm quyền, sẽ được xác định, công bố và quản lý căn cứ theo quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố.

+ Bán kính cong tại các giao lộ, mặt cắt ngang các tuyến đường và phân chỉ giới xây dựng sẽ được nghiên cứu xác định cụ thể khi có thiết kế đô thị hoặc khi khai triển các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và theo dự án cụ thể.

## **7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:**

### ***\* Quy hoạch chiều cao (san nền):***

- + Cao độ xây dựng chọn tối thiểu là +3,71m (hệ cao độ Hòn Dấu).
- + Khu vực xây dựng có nền đất cao nên sẽ giữ nguyên nền đất hiện hữu, chỉ san lấp tại chỗ khi xây dựng công trình.
- + Khu dân cư và các trục đường hiện hữu cải tạo sẽ được hoàn thiện dần mặt phủ theo cao độ xây dựng toàn khu.

### ***\* Quy hoạch thoát nước mưa:***

- + Thoát chung giữa nước mưa và nước thải sinh hoạt, sử dụng giếng tách dòng ở cuối nguồn.
- + Nổi cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,70m, độ dốc cống lấy tối thiểu là 1/D.
- + Chu kì tràn cống T=3 năm đối với cống cấp 2, T=2 năm đối với cống cấp 3, cấp 4.

## **7.3. Quy hoạch cấp điện:**

- + Chỉ tiêu cấp điện: 2500 KWh/người/năm.
- + Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22KV Hòa Hưng, Bà Queo, dài hạn sẽ được bổ sung từ trạm 110/15-22KV Tân Sơn Nhất 2 xây dựng mới.
- + Cải tạo các trạm biến áp 15-22/0,4KV hiện hữu, tháo gỡ các trạm biến áp có ngoài trời, công suất nhỏ, vị trí không còn phù hợp quy hoạch.
- + Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng  $\geq 400\text{KVA}$ , loại trạm phòng, trạm đơn thân.
- + Cải tạo mạng trung thế 15KV hiện hữu, nâng cấp lên 22KV, dài hạn sẽ được thay thế bằng cáp ngầm.
- + Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.
- + Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 ÷ 250W – 220V, chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

## **7.4. Quy hoạch cấp nước:**

- + Sử dụng nguồn nước máy thành phố dựa vào các tuyến ống cấp nước chính hiện hữu trên đường Trường Chinh, Cộng Hòa.
- + Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt:  $Q_{sh} = 200$  lít/người/ngđ.
- + Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy : 25 lít/người/ngày cho 01 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 02 đám cháy theo TCVN 2622-1995.
- + Tổng nhu cầu dùng nước: 11.500 m<sup>3</sup>/ngày.
- + Phương án bố trí thiết kế mạng lưới cấp nước dựa trên hệ thống đường ống cấp nước hiện hữu có bổ sung thay mới một số tuyến ống tạo thành mạng vòng đảm bảo cấp nước.

## **7.5. Quy hoạch thoát nước bẩn, rác thải và vệ sinh môi trường:**

### **a. Thoát nước bẩn:**

- + Giải pháp thoát nước bẩn: Sử dụng hệ thống thoát nước chung, nước thải được tách ra bằng giếng tách dòng, phần lớn lưu vực theo hệ thống cống bao thuộc dự án Nhiều Lọc - Thị Nghè về trạm bơm nước thải cạnh rạch Văn Thánh về trạm xử lý nước thải tập trung thành phố, phần còn lại phía Tây Nam

lưu vực theo hệ thống cống bao dọc kênh Tân Hóa-Lò Gồm thuộc dự án Cải thiện môi trường nước lưu vực số 3 Tân Hóa-Lò Gồm về trạm xử lý nước thải tập trung thành phố công suất 270.000m<sup>3</sup>/ngày.

+ Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt:  $Q_{sh} = 200$  lít/người/ngđ.

+ Tổng lượng nước thải sinh hoạt:  $Q_{sh} = 9.800$  m<sup>3</sup>/ngày.

+ Phương án bố trí thiết kế mạng lưới thoát nước hợp lý, phù hợp giải pháp thoát nước và đảm bảo thoát nước tự chảy.

**b. Rác thải và vệ sinh môi trường:**

+ Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày

+ Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 41,8 tấn/ngày.

+ Phương án xử lý: rác thải được thu gom và vận chuyển về khu liên hiệp xử lý rác thành phố tại xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi.

**8. Một số lưu ý quan trọng khác khi triển khai quản lý quy hoạch:**

Với qui mô dân số của đồ án là 29.000 người nên về lâu dài, để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp quy hoạch chung quận Tân Bình, cần kiểm soát và khống chế qui mô dân số trong phạm vi đồ án (các dự án phát triển nhà ở cần ưu tiên tái định cư tại chỗ). Đồng thời, tập trung chỉnh trang nâng tầng tại các khu vực nhà ở lụp xụp, xuống cấp, thay đổi mô hình ở, nâng tầng cao xây dựng nhằm tạo thêm quỹ đất công trình công cộng phúc lợi xã hội, mảng xanh và tạo không gian mở với môi trường sống tốt phục vụ cho sinh hoạt cộng đồng cho khu vực.

**Điều 2.**

Giao Phòng Quản lý đô thị phối hợp UBND Phường 12 chịu trách nhiệm công bố công khai đồ án quy hoạch được phê duyệt trên trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định này.

Giao Phòng Quản lý đô thị phối hợp Phòng Tài nguyên – Môi trường và UBND Phường 12 chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng quỹ đất, quản lý xây dựng và kêu gọi đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

**Điều 3.**

Chánh Văn phòng UBND quận Tân Bình, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận Tân Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 12 quận Tân Bình, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN  
CHỦ TỊCH



**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBND Thành phố;
- Sở TNMT, Sở QHKT;
- Sở XD; Sở KH-ĐT
- TTQU, TTUBND/Q;
- Phân viện QH ĐT-NT miền Nam;
- Lưu.

Thái Thị Dư